

Bản án số: 138/2019/DS-PT

Ngày: 13 - 5 - 2019

V/v tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung  
của hộ gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh văn Út

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “Yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Chị Nguyễn Tuyết K1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Nhật K2, sinh năm 1997 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .; Chỗ ở: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C .

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Tuyết K1:* Anh Nguyễn Nhật K2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .; Chỗ ở: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị K1, anh K2:* Ông Võ Thanh Tùng – Luật sư Văn phòng luật sư Thanh Tùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Lý Thu N, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Lê M, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .; Chỗ ở: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C .

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2, cùng là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2 trình bày:* Chị K1 và anh K2 khởi kiện yêu cầu bà Lý Thu N phải chia lại cho nguyên đơn mỗi người số tiền 100.000.000 đồng do bà N đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chia tài sản chung trong khối tài sản là các thửa đất số: 172; 173; 444; 453, tờ bản đồ số 3, tại ấp Kinh Tám, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bằng số tiền 566.294.229 đồng theo Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 31 ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (Bản án HNGĐ số 31).

Theo nguyên đơn xác định, các thửa đất trên có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Chuyên và bà Lê Thị Tư tặng cho hộ gia đình. Sau khi được tặng cho, ông Nguyễn Lê M là người đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên. Khi bà N với ông M ly hôn, bà N được phân chia bằng số tiền 566.294.229 đồng thì bà N có trách nhiệm chia lại một phần cho các nguyên đơn, vì nguyên đơn cũng có công sức đóng góp đối với khối tài sản này.

- *Bị đơn bà Lý Thu N trình bày:* Chị K1 và anh K2 là con chung của bà với ông M, giữa bà với ông M đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử cho ly hôn và chia tài sản chung theo Bản án HNGĐ số 31, hiện tại chị K1 và anh K2 đang sống chung với ông M.

Tại trang 5 của Bản án HNGĐ số 31 có ghi nhận ý kiến của chị K1 và anh K2 xác định nguồn gốc đất của ông bà nội để lại, các tài sản tranh chấp giữa ông M với bà N không liên quan gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị K1 và anh K2, đồng thời chị K1 và anh K2 không có yêu cầu gì trong vụ án này. Từ cơ sở trên, Tòa án đã chia tài sản cho bà giá trị bằng tiền là 566.294.229 đồng, ông M được nhận toàn bộ tài sản. Vì vậy bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê M trình bày:* Vào năm 1954, cha mẹ ông tên Nguyễn Văn Chuyên và Lê Thị Tư có khai phá tạo lập được một phần đất có diện tích là 52.160m<sup>2</sup>. Đến năm 1994 Nhà nước có chủ trương cho kê khai quyền sử dụng đất lần đầu, khi đó cha mẹ ông đã đồng ý để ông kê khai đăng ký, đến năm 1996 phần đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do cá nhân ông đứng tên. Năm 2008 do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân ông đứng tên hết thời hạn sử dụng, thực hiện theo chủ trương đổi sổ mới theo bản đồ tọa độ mới và sáp nhập thành tài sản hộ gia đình, các thành viên của hộ gia đình khi đó có 05 thành viên gồm Nguyễn Lê M đứng chủ hộ, mẹ Lê Thị Tư (chết năm 2015), vợ Lý Thu N (đã ly hôn); con Nguyễn Tuyết K1 và Nguyễn Nhật K2.

Ông M yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:*

*Tuyên xử:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2 về việc yêu cầu bà Lý Thu N hoàn lại giá trị 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/01/2019, chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K1 và anh K2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh K2 và chị K1.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chia lại cho nguyên đơn mỗi người 100.000.000 đồng. Lý do: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 thì đất được cấp cho hộ gia đình nên đây là tài sản chung của hộ gia đình, tại thời điểm cấp giấy các nguyên đơn đã trên 16 tuổi. Tại bản tự khai ngày 09/9/2016 bà N cũng đồng ý chia tài sản làm 05 phần cho các thành viên trong hộ. Hiện nay các nguyên đơn đều không có việc làm ổn định.

Bà Lý Thu N tranh luận cho rằng tại Bản án HNGĐ số 31, chị K1 và anh K2 xác định không liên quan gì đến tài sản giữa bà với ông M, số tiền 566.294.229 đồng được phân chia là của riêng bà N, mặc khác chị K1 và anh K2 không có công sức đóng góp gì đối với tài sản gia đình, bà N không đồng ý chia lại theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Ông Nguyễn Lê M tranh luận cho rằng số tiền bà N được phân chia là tài sản chung của hộ gia đình, nên bà N có nghĩa vụ chia lại theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị K1 và anh K2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết K1, anh Nguyễn Nhật K2 yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K1 và anh K2, buộc bà N chia lại cho anh K2 và chị K1 mỗi người 100.000.000 đồng vì cho rằng số tiền bà

N được phân chia là tài sản chung của hộ gia đình, chị K1 và anh K2 cũng có công sức đóng góp duy trì khối tài sản chung. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Nguyễn Lê M và bà Lý Thu N đã ly hôn theo Bản án HNGĐ số 31, bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2 là con chung của ông M và bà N. Theo Bản án HNGĐ số 31 đã xác định đối với các thửa đất số: 172; 173; 444; 453, tờ bản đồ số 3, tại ấp Kinh Tám, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và các tài sản khác là tài sản chung của ông M và bà N, không phải là tài sản chung của hộ gia đình. Căn cứ vào công sức đóng góp duy trì khối tài sản chung, bản án đã giao toàn bộ tài sản cho ông M, ngược lại ông M có nghĩa vụ hoàn lại cho bà N 40% giá trị quyền sử dụng các thửa đất nêu trên và  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản khác bằng tổng số tiền là 566.294.229 đồng.

Ngày 26/11/2018 ông M nộp tiền thi hành án theo Bản án HNGĐ số 31 cho bà N thì chị K1 và anh K2 khởi kiện yêu cầu bà N chia lại cho chị K1 với anh K2 mỗi người 100.000.000 đồng vì chị K1 và anh K2 cho rằng số tiền bà N được phân chia là tài sản chung của hộ gia đình, chị K1 và anh K2 cũng có công sức đóng góp duy trì khối tài sản chung của hộ. Tuy nhiên ngoài lời trình bày trên thì chị K1 và anh K2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp trong khi bà N không thừa nhận lời trình bày của chị K1 và anh K2, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa ông M với bà N, chị K1 và anh K2 đều xác định tài sản gia đình là của ông M và bà N, chị K1 và anh K2 không có liên quan hoặc có yêu cầu gì về tài sản, đồng thời chị K1 và anh K2 còn xác định anh chị không có công sức đóng góp gì đối với khối tài sản này.

Từ những cơ sở trên, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của chị K1 và anh K2 về việc yêu cầu bà N chia lại cho anh K2 và chị K1 mỗi người 100.000.000 đồng xét thấy là có căn cứ.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị K1 và anh K2 yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng Điều 212 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu của chị K1 và anh K2, như đã nhận định trên xét thấy lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị K1 và anh K2 là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[2] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa bà N yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét hủy bỏ các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với bà N. Xét thấy do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị K1 và anh K2, nên căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 73/2018/QĐ-BPKCTT ngày 27/11/2018 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 83/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời không còn, vì vậy yêu cầu

của bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận ra Quyết định hủy bỏ các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị K1 và anh K2, nên án phí dân sự phúc thẩm chị K1 và anh K2 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2 về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Thu N hoàn lại giá trị 200.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Tuyết K1 phải chịu 5.000.000 đồng, ngày 17/9/2018 chị K1 đã dự nộp số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008685 ngày 17/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu. Chị K1 phải nộp tiếp 2.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Nhật K2 phải chịu 5.000.000 đồng, ngày 17/9/2018 anh K2 đã dự nộp số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008684 ngày 17/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu. Anh K2 phải nộp tiếp 2.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Tuyết K1 và anh Nguyễn Nhật K2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 31/01/2019 chị K1, anh K2 đã dự nộp số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0002668 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Trung**